



Original Article

A Review of Theoretical Research on Vietnamese Criminal Law since 1986 and Future Orientations

Trinh Tien Viet*

VNU School of Law, 144 Xuan Thuy, Cau Giay, Hanoi, Vietnam

Received 11 February 2022

Revised 15 February 2022; Accepted 20 March 2022

Abstract: The Renovation (Đổi Mới) of the country since 1986 has created many opportunities and challenges for Vietnamese jurisprudence, including assessing the development of legal research. Recognizing the importance of this issue, over the past time, many agencies, organizations and researchers have summarized the achievements, limitations, and development orientations in the field of jurisprudence. However, there has not been much research into each branch of law, including Vietnamese criminal law. Therefore, with the historical approach and the method of analysis and synthesis, on the basis of studying the main points in academic works, which are monographs and doctoral theses in jurisprudence, the article focuses on elucidating research achievements through each group of core scientific issues. Thereby the article identifies research gaps and proposes development orientations of Vietnamese criminal law in the future.

Keywords: Criminal law, development orientations, crime, penalty.

* Corresponding author.

E-mail address: ttviet@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4432>

Tổng kết những nghiên cứu lý luận về luật hình sự Việt Nam từ năm 1986 đến nay và các định hướng tương lai

Trịnh Tiến Việt*

Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, 144 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Nhận ngày 11 tháng 2 năm 2022

Chỉnh sửa ngày 15 tháng 2 năm 2022; Chấp nhận đăng ngày 20 tháng 3 năm 2022

Tóm tắt: Công cuộc đổi mới toàn diện đất nước từ năm 1986 đến nay đã tạo ra nhiều cơ hội và thách thức cho giới luật học Việt Nam, trong đó có đánh giá sự phát triển về nghiên cứu luật học. Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề này, thời gian qua, nhiều cơ quan, tổ chức và các nhà khoa học đã tiến hành tổng kết những thành tựu, hạn chế, xây dựng định hướng phát triển trong lĩnh vực luật học, nhưng vẫn chưa có nhiều nghiên cứu đi sâu vào từng ngành luật, trong đó có luật hình sự Việt Nam. Do đó, với cách tiếp cận lịch sử và phương pháp phân tích, tổng hợp, trên cơ sở nghiên cứu những luận điểm chính trong các công trình khoa học là sách chuyên khảo và luận án tiến sĩ luật học, bài viết tập trung làm sáng tỏ những thành tựu nghiên cứu qua từng nhóm vấn đề khoa học cốt lõi, từ đó chỉ ra khoảng trống và đề xuất các định hướng phát triển trong giai đoạn tới của luật hình sự Việt Nam tương lai.

Từ khóa: Luật hình sự, định hướng phát triển, tội phạm, hình phạt.

1. Ý nghĩa của việc nghiên cứu

Quyết định đổi mới của Đảng Cộng sản Việt Nam năm 1986 (tại Đại hội VI) được xem như bước ngoặt rất quan trọng trong công cuộc xây dựng và bảo vệ đất nước. Trong đó, Đảng ta tiến hành đổi mới toàn diện trên các lĩnh vực khác nhau của đời sống, trong đó, đổi mới tư duy lý luận, đổi mới kinh tế, sau đó đến nhiều lĩnh vực khác của đời sống xã hội. Sau đó, đến Đại hội VII năm 1991 thông qua “*Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ*” (được sửa đổi, phát triển năm 2011) đã mở ra sự phát triển mang tính bước ngoặt của Đảng và Nhà nước, đồng thời phản ánh sự chuyển biến tích cực và mạnh mẽ về trình độ tư duy lý luận của Đảng, sự nỗ lực của giới lý luận nước ta trước xu thế, yêu cầu phát triển thực tiễn [1; tr.145].

Ở các cấp độ, mức độ khác nhau, thời gian qua, chúng ta đã có nhiều tổng kết những thành tựu, hạn chế, xây dựng định hướng phát triển trong nhiều lĩnh vực, kể cả lĩnh vực luật học. Tuy nhiên, xét một cách toàn diện thì còn thiếu những nghiên cứu mang tính chất tổng kết và đánh giá thành tựu, hạn chế trong nghiên cứu lý luận về từng ngành luật, trong đó có luật hình sự Việt Nam. Vì vậy, trên cơ sở nghiên cứu những luận điểm chính trong hai nhóm công trình chính được lựa chọn là sách chuyên khảo (1) đã được xuất bản và luận án tiến sĩ (LATS) luật học (2) đã được thực hiện trong thời gian từ năm 1986 đến nay (do phạm vi số trang bài viết nên chỉ khoanh hai nhóm trên - TG) xuyên suốt với ba lần pháp điển hóa luật hình sự Việt Nam, người viết chỉ ra “*khoảng trống*” và đề ra những định hướng phát triển với xu thế mới trong nghiên cứu luật hình sự nước ta.

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: ttviet@vnu.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4432>

2. Tổng kết thành tựu trong những nghiên cứu lý luận về luật hình sự Việt Nam từ năm 1986 đến nay

Luật hình sự là một ngành luật lâu đời và có thể xem là ngành luật sớm nhất so với các ngành luật khác trong hệ thống pháp luật trên thế giới [2; tr.143]. Ở Việt Nam, luật hình sự cũng có sự phát triển và những nghiên cứu lý luận của các nhà khoa học - luật gia đã đóng góp, phục vụ đắc lực cho việc xây dựng, hoàn thiện trong ba lần pháp điển hóa (và cả những lần sửa đổi, bổ sung) luật hình sự - Bộ luật Hình sự (BLHS) năm 1985, sửa đổi năm 1989, 1991, 1992 và 1997 (gọi tắt là *BLHS năm 1985*), BLHS năm 1999, sửa đổi năm 2009 (*BLHS năm 1999*) và BLHS năm 2015, sửa đổi năm 2017 (*BLHS năm 2015*).

Kết quả chính phản ánh trong các nghiên cứu lý luận từ năm 1986 đến nay thể hiện qua những luận điểm trong từng nhóm vấn đề sau đây:

2.1. Chính sách hình sự

Nghiên cứu chính sách hình sự là chủ đề luôn được quan tâm trước và trong quá trình xây dựng, hoàn thiện luật hình sự, vì nó là hệ thống chiến lược, chủ trương của Nhà nước trong xây dựng, hoàn thiện luật hình sự, sử dụng luật hình sự nhằm đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt hiệu quả cao, bảo vệ các giá trị, lợi ích chung của Nhà nước, của xã hội, cũng như các quyền con người, quyền công dân. Các nghiên cứu từ năm 1986 đến nay đã tập trung làm sáng tỏ được khái niệm, nội dung, các bộ phận cấu thành của chính sách hình sự, giá trị và thuộc tính của chính sách hình sự, cơ sở khoa học - thực tiễn của việc hoạch định chính sách hình sự, đồng thời đưa ra những kiến nghị xây dựng, hoàn thiện các quy định BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 liên quan đến nội dung (lĩnh vực thể hiện) của chính sách hình sự bao gồm: Tội phạm hóa và phi tội phạm hóa; hình sự hóa và phi hình sự hóa; cũng như gắn nội dung chính sách hình sự với việc triển khai thi hành Nghị quyết đại hội Đảng đang diễn ra ở nước ta tại thời điểm tương ứng.

Những nghiên cứu điển hình (người viết sắp xếp theo thứ tự thời gian - TG) như: 1) Đào Trí Úc (2000), Chương 4. Chính sách hình sự, trong

sách: *Luật hình sự Việt Nam*, Quyển 1 - Những vấn đề chung, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội; 2) Hồ Trọng Ngũ (2002), *Một số vấn đề cơ bản về chính sách hình sự dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội IX của Đảng*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 3) Lê Văn Cẩm (2005, 2019), Chương 1. Chính sách hình sự, trong *Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự - Phần chung*, Nxb. ĐHQGHN; 4) Phạm Văn Lợi (chủ biên, 2007), *Chính sách hình sự trong thời kỳ đổi mới ở Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 5) Võ Khánh Vinh (2020), Mục 14.3. Chương 14, trong sách: *Chính sách pháp luật*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội; 6) Trịnh Tiến Việt (chủ biên, 2020), *Chính sách hình sự Việt Nam trước thách thức Cách mạng công nghiệp 4.0*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.

Đáng chú ý, GS.TSKH. Đào Trí Úc đã chỉ ra khái niệm như sau: “Chính sách hình sự là một bộ phận của chính sách pháp luật, bởi vì đó là những *định hướng, những chủ trương trong việc sử dụng pháp luật hình sự vào lĩnh vực đấu tranh chống tội phạm và phòng ngừa tội phạm*” với ba nội dung cơ bản: “1) Xác định hành vi nào là tội phạm - tương ứng với nội dung thứ nhất của chính sách pháp luật: xác định các quan hệ xã hội cần điều chỉnh bằng pháp luật; 2) Xác định tính chất và mức độ (dung lượng) của việc tác động bằng các hình thức TNHS, tức là xác định các loại hình phạt, mức độ các chế tài - tương ứng với nội dung thứ hai của chính sách pháp luật là xác định phương thức điều chỉnh pháp luật; 3) Xác định con đường hình thành ý thức pháp luật, nâng cao ý thức pháp luật cho công dân thông qua việc sử dụng luật hình sự” [3; tr.182]. Đây cũng là cơ sở để các nghiên cứu tiếp tục làm sáng tỏ và cụ thể hóa trong chính sách hình sự đối với từng đối tượng cụ thể và từng nhóm tội phạm cụ thể như: Chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội [4], chính sách hình sự đối với các tội phạm cụ thể hoặc chia nhỏ hơn nội dung nghiên cứu chính sách pháp luật hình sự [5]; [6], chính sách pháp luật tố tụng hình sự [7], chính sách pháp luật thi hành án hình sự và gần đây nhất là nghiên cứu chính sách hình sự trước thách thức Cách mạng công nghiệp 4.0 [8]. Ngoài ra, sau khi làm rõ khái niệm, nội dung, mục đích, hình

thức thể hiện của chính sách hình sự, GS.TSKH. Lê Văn Cẩm chỉ ra việc hoạch định chính sách hình sự trong giai đoạn phát triển mới ở Việt Nam đương đại [9; tr.106-129], đồng thời nhấn mạnh phải “nghiên cứu các quy luật khách quan đang tồn tại ở Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền và cải cách tư pháp hiện nay (về kinh tế, xã hội, chính trị, pháp luật, văn hóa, lịch sử-truyền thống...) tác động đến quá trình hình thành và phát triển chính sách pháp luật (nói chung) và chính sách hình sự (nói riêng) của Nhà nước ta, đồng thời trên cơ sở phân tích tình hình tội phạm và thực tiễn áp dụng các quy phạm pháp luật trong lĩnh vực tư pháp hình sự [9; tr.107].

2.2. Các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự

Hình thức và biểu hiện đặc trưng của khoa học luật hình sự được phản ánh qua các nguyên tắc cơ bản của nó, qua đó phản ánh bản chất giai cấp và tính nhân dân sâu sắc của luật hình sự. Chủ đề này đã được tìm hiểu chuyên sâu nhưng chủ yếu qua một số luận án tiến sĩ (LATS) luật học, từ đó những kiến nghị xây dựng, hoàn thiện quy định tương ứng của BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 có liên quan khi thể hiện nội dung của từng nguyên tắc đó.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Võ Khánh Vinh (1994), *Nguyên tắc công bằng trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 2) Cao Thị Oanh (2008), *Nguyên tắc phân hóa trách nhiệm hình sự* (TNHS), Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 3) Hồ Sỹ Sơn (2009), *Nguyên tắc nhân đạo trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội; 4) Lê Văn Luật (2014), *Nguyên tắc trách nhiệm do lỗi của luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN; 5) Đoàn Ngọc Xuân (2014), *Nguyên tắc pháp chế trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN... Ngoài ra, nội dung, ý nghĩa và sự thể hiện các nguyên tắc cơ bản của luật hình sự còn phản ánh chủ yếu trong hệ thống sách chuyên khảo, giáo trình luật hình sự tại các cơ sở đào tạo luật. Đáng chú ý, GS.TSKH. Lê Văn Cẩm trong Sách chuyên khảo Sau đại học của mình đã kiến nghị xây dựng một chương độc lập trong BLHS về các nguyên tắc của luật hình sự

Việt Nam với nội dung cơ bản trong từng nguyên tắc tương ứng [10; tr.166-168].

2.3. Các học thuyết, trường phái lý luận chính trong khoa học luật hình sự

Hình thức thể hiện khác của khoa học luật hình sự là các học thuyết, trường phái lý luận, quan điểm khoa học, thế giới quan về việc xây dựng, sử dụng luật hình sự trong phòng, chống tội phạm, quan điểm về tội phạm và hình phạt, về chủ thể của tội phạm, qua đó, thể hiện mức độ khái quát hóa cao nhất các vấn đề pháp lý hình sự từ thực tiễn xét xử, kinh nghiệm nghiên cứu, cũng như lịch sử trong và ngoài nước về những vấn đề tương ứng này.

Tuy nhiên, hiện nay nghiên cứu về nội dung này vẫn chưa có nhiều, chủ yếu vẫn có hai công trình điển hình sau: 1) Đào Trí Úc (2000), *Luật hình sự Việt Nam, Quyển 1 - Những vấn đề chung*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội; 2) Lê Văn Cẩm (2005, 2019), *Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự - Phần chung (Giáo trình Sau đại học)*, Nxb. ĐHQGHN. Hai công trình trên đã làm sáng tỏ nội dung cơ bản của bốn trường phái lý luận chính trong khoa học luật hình sự bao gồm: Trường phái khai sáng - nhân văn; trường phái cổ điển; trường phái nhân chủng học; trường phái xã hội học,... [3; tr.145]; [9; tr.166-180].

2.4. Đạo luật hình sự

Đạo luật hình sự - theo cách gọi khoa học luật hình sự, được hiểu là văn bản pháp luật hình sự do cơ quan có thẩm quyền của Nhà nước ban hành (cụ thể là Quốc hội), trong đó quy định những vấn đề về tội phạm, TNHS và hình phạt, cũng như các vấn đề khác liên quan đến các nội dung cốt lõi trên. Các nghiên cứu chính trong giai đoạn vừa qua mới chỉ làm rõ *nguồn* và hệ thống nguồn của luật hình sự, hiệu lực của luật hình sự về *không gian* và việc *giải thích* pháp luật hình sự Việt Nam.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Nguyễn Anh Tuấn (2010), *Nguồn của luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội; 2) Vũ Thị Thúy (2017), *Hiệu lực của luật hình sự Việt Nam về không gian*, Nxb. Hồng Đức; 3)

Vũ Hoài Nam (2018), *Giải thích pháp luật hình sự Việt Nam: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội... Đáng chú ý, tác giả Nguyễn Anh Tuấn cũng đã có đề xuất mở rộng phạm vi quy định tội phạm, hình phạt, TNHS trong các nguồn thành văn của luật hình sự, cũng như chính thức thừa nhận và phát triển “án lệ” như một loại nguồn của luật hình sự Việt Nam [11; tr.193-210].

2.5. Lịch sử luật hình sự Việt Nam

Nghiên cứu lịch sử và hệ thống hóa có vai trò quan trọng trong việc đánh giá sự hình thành và phát triển của luật hình sự Việt Nam trong từng giai đoạn, lý giải những thành tựu và bài học kinh nghiệm của mỗi thời kỳ, từ đó tiếp tục tổng kết và chỉ ra vai trò của thực tiễn xét xử trong việc xây dựng, định hướng hoàn thiện hơn nữa luật hình sự trong tương lai qua mỗi lần pháp điển hóa hoặc ban hành văn bản hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật hình sự.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Đào Trí Úc (chủ biên, 1994), *Chương 11. Lịch sử phát triển của pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 2) Trần Quang Tiệp (2003), *Lịch sử của luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội; 3) Trương Quang Vinh (chủ biên, 2008), *Tội phạm và hình phạt trong Hoàng Việt Luật lệ*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 4) Lê Văn Cẩm (2018), *Pháp luật hình sự Việt Nam từ thế kỷ X đến nay - Lịch sử và thực tại*, Nxb. ĐHQGHN; 5) Lê Văn Cẩm (2020), *75 năm hình thành, phát triển của hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam và định hướng tiếp tục hoàn thiện (1945 - 2020)*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.

Lưu ý, vấn đề này chủ yếu được đề cập khái quát trong một số bài viết hoặc là một mục trong hệ thống sách chuyên khảo, giáo trình luật hình sự tại các cơ sở đào tạo luật hoặc gắn liền của từng tội/nhóm tội trong BLHS. Gần đây nhất, sau khi tổng kết 75 năm hình thành, phát triển của hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam, GS.TSKH. Lê Văn Cẩm đã kiến nghị mô hình khoa học với các

lý giải về kỹ thuật lập pháp của Dự thảo Phần chung BLHS tương lai [12; tr.425-723].

2.6. Tội phạm, cấu thành tội phạm

Tội phạm là hiện tượng xã hội khó nhất trong “việc kiểm soát, cương tòa, ngăn chặn và loại bỏ ra khỏi đời sống hàng ngày của xã hội” [13; tr.13]. Ngoài ra, tội phạm còn là đối tượng nghiên cứu cơ bản của nhiều ngành khoa học như triết học, xã hội học, tội phạm học, luật tố tụng hình sự, luật thi hành án hình sự... đặc biệt là khoa học luật hình sự.

Trong khi đó, “cấu thành tội phạm” là “sự mô tả tội phạm trong luật thông qua các dấu hiệu thuộc bốn yếu tố có tính đặc trưng, phản ánh đầy đủ nội dung chính trị - xã hội của tội phạm” [14; tr.143].

Là vấn đề “gốc” của luật hình sự¹, tội phạm và hình thức phản ánh của tội phạm - cấu thành tội phạm đã được nghiên cứu và phản ánh trong các công trình với việc làm sáng tỏ khái niệm, nguồn gốc và bản chất giai cấp của tội phạm [15; tr.8-23], các dấu hiệu (đặc điểm) cơ bản của tội phạm, phân loại tội phạm [16], phân biệt tội phạm với vi phạm pháp luật khác và với hành vi trái đạo đức, cũng như mối quan hệ giữa tội phạm với TNHS [17; tr.50-61]; mối quan hệ tội phạm với hình phạt, tội phạm với cấu thành tội phạm và nội dung của từng yếu tố cấu thành tội phạm [18] và các vấn đề khác liên quan đến tội phạm như: các giai đoạn phạm tội, tự ý nửa chừng chấm dứt việc phạm tội, đồng phạm [19], che giấu tội phạm và không tố giác tội phạm, đa (nhiều) tội phạm, từ đó, chỉ ra xu hướng phát triển của tội phạm trong luật hình sự Việt Nam.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Nguyễn Niên (chủ biên, 1986), *Những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội; 2) Đặng Văn Doãn (1986), *Vấn đề đồng phạm*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội; 3) Nguyễn Ngọc Hòa (1991), *Tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 4) Phạm Quang Huy (2002), *Ranh giới giữa tội phạm và không phải là tội phạm*

¹ Hiện nay, các vấn đề được xem là “gốc” của luật hình sự bao gồm: Tội phạm, TNHS và hình phạt (TG).

trong luật hình sự Việt Nam, LATS luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội; 5) Lê Văn Đệ (2003), *Chế định nhiều tội phạm: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 6) Trương Minh Mạnh (2003), *Phân loại tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Trường đại học Luật Hà Nội; 7) Lê Thị Sơn (2013), *Các giai đoạn thực hiện tội phạm, đồng phạm và tổ chức tội phạm và vấn đề hoàn thiện cơ sở pháp lý của TNHS*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 8) Trịnh Tiến Việt (2013), *Tội phạm và TNHS*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội; 9) Nguyễn Ngọc Hòa (2015), *Tội phạm và cấu thành tội phạm*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 10) Trần Quang Tiếp (2019), *Đồng phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2019; 11) Trần Thị Ngọc Hiếu (2021), *Chủ thể của tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội,...

Đáng chú ý, cuốn sách “*Những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm trong luật hình sự Việt Nam*”, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1986 đã bước đầu tiên đề cập đến lý luận Mác - Lênin về tội phạm với nguồn gốc và bản chất của tội phạm, các nguyên nhân của tình trạng phạm tội, các nội dung liên quan đến tội phạm và biện pháp pháp lý đấu tranh chống và phòng ngừa tội phạm trong thời gian tới [15; tr.203-236]. Cùng với đó, GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa với sách chuyên khảo tái bản nhiều lần “*Tội phạm và cấu thành tội phạm*” đã làm sáng tỏ được hiện tượng tội phạm dưới các phương diện - nội dung chính trị - xã hội và nội dung pháp lý; xét về các yếu tố hợp thành - cấu thành tội phạm; xét về hình thức phản ánh trong luật; xét về nguyên nhân phát sinh và xét về biện pháp phòng ngừa [14; tr.13-330].

2.7. Loại trừ trách nhiệm hình sự

Các nghiên cứu đã làm rõ khái niệm, bản chất pháp lý và hệ thống, tên gọi trường hợp loại trừ TNHS, vận dụng từng trường hợp cụ thể trong áp dụng, qua đó, kiến nghị từng bước mở rộng phạm vi các trường hợp này trong lập pháp

hình sự. Đặc biệt, các nghiên cứu cũng làm rõ ý nghĩa chính trị, xã hội và pháp lý của loại trừ TNHS - xuất phát từ thực tiễn, cũng như khuyến khích, động viên mọi công dân trong xã hội nhận thức đầy đủ, đúng đắn giữa hành vi phạm tội và không phải là tội phạm, những hành vi có ích cho xã hội để họ tích cực tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, duy trì trật tự an toàn xã hội và các lợi ích chung của cộng đồng, trong đó có lợi ích chính đáng của bản thân họ và bảo đảm ranh giới khỏi “nhầm lẫn pháp lý” (nếu có).

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Kiều Đình Thu (1996), Chương 9. Những tình tiết loại trừ tính nguy hiểm cho xã hội và tính trái pháp luật của hành vi, trong sách: *Tìm hiểu luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh; 2) Đinh Văn Quê (1998), *Những trường hợp loại trừ TNHS trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 3) Giang Sơn (2002), *Các yếu tố loại trừ tính chất tội phạm của hành vi theo luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội; 4) Trịnh Tiến Việt (2021), *TNHS và loại trừ TNHS*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội...

Tuy nhiên, mặc dù BLHS năm 2015 đã sử dụng thống nhất “loại trừ TNHS” nhưng trong khoa học pháp lý vẫn chưa thống nhất tên gọi của các trường hợp này². Đặc biệt, dưới góc độ thực tiễn, người viết nhận thấy có quan điểm hơi khác của một nhà hoạt động thực tiễn. Theo đó, mặc dù tác giả quan niệm đúng [20; tr.6-7] và cũng phân tích loại trừ TNHS có bản chất pháp lý khác với miễn TNHS, với không có sự việc phạm tội... nhưng sau đó tác giả lại khẳng định: “Suy cho cùng miễn TNHS cũng là không bị truy cứu TNHS (căn cứ vào hậu quả - nếu người phạm tội không bị áp dụng biện pháp xử lý nào)...” [20; tr.96]. Rõ ràng, không thể dựa trên hậu quả pháp lý cuối cùng giống nhau trong trường hợp “đều không phải chịu” để xếp chúng cùng bản chất pháp lý được. Hành vi do người phạm tội được miễn TNHS thực hiện hoàn toàn thỏa mãn một cấu thành tội phạm được luật hình sự quy định, có nghĩa là hành vi do người này thực hiện là tội

² Ví dụ: Những tình tiết loại trừ tính chất tội phạm của hành vi; các trường hợp không phải là tội phạm; các trường hợp loại trừ tính tội phạm của hành vi; các tình tiết loại trừ tính

nguy hiểm cho xã hội và tính trái pháp luật của hành vi; các yếu tố loại trừ tính tội phạm; v.v...

phạm và người đó phải chịu TNHS, nhưng do có những điều kiện và xét thấy không cần thiết phải truy cứu TNHS nên họ được miễn TNHS. Do đó, việc một người thực hiện một hành vi không thỏa mãn dấu hiệu của một cấu thành tội phạm cụ thể đã loại trừ khả năng truy cứu TNHS và cũng loại trừ khả năng miễn TNHS. Không thể miễn TNHS đối với một người mà họ không có nghĩa vụ phải chịu TNHS hay hành vi do họ đã thực hiện hoàn toàn không thỏa mãn các dấu hiệu của tội phạm.

2.8. Trách nhiệm hình sự

Cùng với tội phạm, TNHS là vấn đề trung tâm của luật hình sự. Bởi lẽ, giải quyết rõ ràng, dứt khoát và chính xác vấn đề TNHS trong những trường hợp khác nhau góp phần phòng ngừa oan, sai, vi phạm pháp luật hoặc bỏ lọt tội phạm và chủ thể phạm tội, đồng thời tạo cơ sở pháp lý vững chắc cho công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh quốc gia, các lợi ích của Nhà nước, của xã hội, các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức và công dân. Các nghiên cứu trong giai đoạn đã nêu cơ bản thống nhất về khái niệm, nội dung và cơ sở của TNHS, những điều kiện của TNHS, mối quan hệ giữa cấu thành tội phạm và TNHS, cũng như TNHS trong các trường hợp cụ thể (như chuẩn bị phạm tội, phạm tội chưa đạt, đồng phạm và đối với người dưới 18 tuổi phạm tội...); từng bước tiếp cận mối liên hệ giữa TNHS với hình phạt, với miễn TNHS, cũng như vấn đề TNHS của pháp nhân (được đề cập tại mục 2.13 phần sau - TG).

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Lê Cẩm (2000), *Những vấn đề lý luận cơ bản về TNHS, trong sách: Các nghiên cứu chuyên khảo về Phần chung luật hình sự*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 2) Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên, 2001), *TNHS và hình phạt*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 3) Phạm Mạnh Hùng (2004), *Chế định TNHS trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Trường đại học Luật Hà Nội; 4) Lê Văn Cẩm chủ biên, Phạm Mạnh Hùng, Trịnh Tiến Việt (2006), *TNHS và miễn TNHS*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2006...

Đáng chú ý, tác giả Trịnh Tiến Việt (chủ biên, 2022) với công trình “*TNHS và hình phạt*”, Nxb. ĐHQGHN đã đề cập đến vấn đề TNHS của

cá nhân, pháp nhân và thực thể trí tuệ nhân tạo (AI) với các mô hình TNHS giả tưởng cho thêm chủ thể là thực thể trí tuệ nhân tạo (AI) đáp ứng yêu cầu xây dựng luật hình sự Việt Nam tương lai và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0 [21; tr.397-437].

2.9. Hình phạt và các biện pháp tư pháp

Hình phạt với tư cách là một hình thức của (hoặc là hình thức thực hiện) TNHS, hay một trong các biện pháp cưỡng chế về hình sự nghiêm khắc nhất được Nhà nước đặt ra và ghi nhận như là hậu quả pháp lý tất yếu để ứng phó với hiện tượng “tội phạm”, đồng thời phản ánh “tính không thoát khỏi trách nhiệm của người (chủ thể) đã thực hiện tội phạm” [22; tr.215]. Bên cạnh hình phạt, các biện pháp tư pháp cũng là một hình thức của TNHS, ít nghiêm khắc hơn hình phạt, đồng thời, có mục đích hỗ trợ hoặc thay thế cho hình phạt đạt mục đích tối đa nhất. Các nghiên cứu đã làm rõ các học thuyết chính về hình phạt, chính sách hình sự về hình phạt, khái niệm, mục đích của hình phạt, vai trò của hình phạt, nội dung, điều kiện áp dụng của từng hình phạt, cũng như mối liên hệ giữa TNHS và hình phạt, hình phạt với việc quyết định hình phạt, phân biệt hình phạt với các biện pháp cưỡng chế về hình sự khác; cũng như khái niệm, nội dung của từng biện pháp tư pháp hình sự đối với người phạm tội...

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Viện Khoa học pháp lý (1995), *Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 2) Đinh Văn Quế (2000), *Tìm hiểu hình phạt và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 3) Nguyễn Sơn (2002), *Các hình phạt chính trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội; 4) Phạm Văn Beo (2010), *Về hình phạt tử hình trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 5) Trịnh Quốc Toán (2011), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hình phạt bổ sung trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. ĐHQGHN; 6) Nguyễn Minh Khuê (2015), *Các hình phạt chính không tước tự do trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội; 7) Nguyễn Thị

Ánh Hồng (2018), *Các hình phạt chính không giam giữ theo luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh; 8) Mạc Minh Quang (2020), *Những vấn đề lý luận và thực tiễn về hình phạt tù chung thân trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN; 9) Hà Lê Thủy (2020), *Chế định biện pháp tư pháp trong luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, LATS luật học, Trường đại học Luật Hà Nội; 11) Lê Minh Tùng (2021), *Hình phạt tiền trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN...

Trong các nghiên cứu, *mục đích* của hình phạt là một chủ đề được nhiều nhà khoa học - luật gia quan tâm và nhiều ý kiến khác nhau [23; tr.217]. Đáng chú ý, GS.TSKH. Lê Văn Cẩm đã tổng kết về các mục đích của hình phạt như sau: Quan điểm *truyền thống* - coi các mục đích quan trọng hơn cả của hình phạt là ngăn ngừa riêng và ngăn ngừa chung; quan điểm *ngiên về trấn áp hình sự* - coi mục đích của hình phạt chỉ là trừng trị; quan điểm *ngiên về đạo đức* - coi mục đích của hình phạt là chỉ là giáo dục và cải tạo; quan điểm *mềm dẻo* - coi các mục đích của hình phạt là cả trừng trị, cải tạo và giáo dục [2; tr.688].

Cùng với đó, PGS.TS. Trần Văn Độ đã lý giải vấn đề hiệu quả của hình phạt - khái niệm, tiêu chí và điều kiện, cụ thể hiệu quả của hình phạt là mức độ đạt được mục đích của hình phạt trên cơ sở sử dụng tối thiểu cần thiết yếu tố cưỡng chế và các tiêu chí thể hiện ở căn cứ, mức độ áp dụng và sự đa dạng hóa các hình phạt, từ đó chỉ ra điều kiện hiệu quả của hình phạt thông qua các hoạt động cơ bản - xây dựng hệ thống hình phạt (lập pháp); nguyên tắc áp dụng hình phạt; trong quá trình chấp hành hình phạt và những điều kiện xã hội trực tiếp liên quan đến hình phạt... [24; tr.87-97].

Hoặc cũng có LATS luật học bước đầu tiếp cận dưới góc độ xã hội học luật hình sự là của tác giả Võ Khánh Linh (2016), *Xã hội học hình phạt: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội. Tác giả đã tiếp cận theo hướng hình phạt được tiếp cận một cách sống động trong đời sống pháp lý - xã hội chứ không thuần túy là những quy định về biện pháp cưỡng chế nghiêm khắc nhất của Nhà

nước được trình bày trong đạo luật hình sự. Việc phân tích các phương diện xã hội của hình phạt cho phép đánh giá sự tác động của các biến đổi xã hội tới nội dung, loại, hệ thống hình phạt, thực tiễn áp dụng, thi hành và chính sách hình phạt.

2.10. Quyết định hình phạt

Quyết định hình phạt đúng, chính xác là hoạt động có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc bảo vệ quyền, lợi ích chính đáng của chủ thể phạm tội, nâng cao uy tín của Tòa án, dư luận xã hội đồng tình và qua đó, thực hiện tốt các mục đích hình phạt, cũng như nâng cao hiệu quả đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như giáo dục, cải tạo người phạm tội. Các nghiên cứu đã làm sáng tỏ khái niệm, căn cứ, nguyên tắc và nội dung quyết định hình phạt, phân tích từng căn cứ quyết định hình phạt và quyết định hình phạt trong các trường hợp cụ thể; gắn mối liên hệ giữa quyết định hình phạt với định tội danh và gắn với từng nhóm tội hoặc tội danh cụ thể trong Phần các tội phạm BLHS để luận giải, kiến nghị nâng cao hiệu quả của việc quyết định hình phạt.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Đinh Văn Quê (1995), *Các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng TNHS trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia. Hà Nội; 2) Trần Thị Quang Vinh (2002), *Các tình tiết giảm nhẹ TNHS trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội; 3) Dương Tuyết Miên (2003), *Quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Trường đại học Luật Hà Nội; 4) Nguyễn Thị Thanh Thủy (2005), *Nhân thân người phạm tội trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội; 5) Lê Văn Đệ (2010), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 6) Lương Ngọc Trâm (2017), *Quyết định hình phạt đối với người chưa thành niên phạm tội ở thành phố Hồ Chí Minh*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội; 7) Phan Thị Thu Lê (2019), *Các tình tiết tăng nặng TNHS trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội...

Cũng có một số nghiên cứu đã mở rộng ra là hoạt động *áp dụng* hình phạt để nghiên cứu, không

chỉ có nội dung quyết định hình phạt, mà còn cả nội dung về miễn TNHS, miễn hình phạt. ... đó là nghiên cứu trong công trình của Trương Đức Thuận (2020), *Áp dụng hình phạt trong pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn Tòa án Quân sự*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội. Cùng với đó, PGS.TS. Trần Văn Độ và TS. Hoàng Mạnh Hùng (2019) với công trình “*Định tội danh và áp dụng hình phạt*”, trong đó nêu khái niệm “áp dụng hình phạt là một giai đoạn, một nội dung của áp dụng pháp luật hình sự thể hiện ở việc trên cơ sở của việc định tội, xác định các tình tiết của vụ án làm căn cứ quyết định hình phạt do luật định, Tòa án lựa chọn biện pháp TNHS, loại và mức hình phạt cụ thể được quy định trong chế tài quy phạm pháp luật hình sự quy định về tội phạm đã được xác định theo một thủ tục nhất định, để áp dụng đối với người phạm tội thể hiện trong bản án kết tội” [25; tr.105].

2.11. Miễn, giảm trách nhiệm hình sự và hình phạt

Thực tiễn không phải trường hợp nào một người thực hiện hành vi nguy hiểm cho xã hội mà BLHS quy định là tội phạm đều phải chịu TNHS, hoặc khi phải chịu TNHS mà bị áp dụng hình phạt, mà có trường hợp xét thấy không cần thiết phải áp dụng TNHS hoặc không phải áp dụng hình phạt hoặc mức độ cần thiết là đủ đối với chủ thể đó nhưng vẫn bảo đảm yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như công tác giáo dục, cải tạo, thì các cơ quan có thẩm quyền tùy vào giai đoạn tố tụng hình sự và thẩm quyền do luật định (Cơ quan Điều tra, Viện kiểm sát và Tòa án) không buộc họ phải chịu TNHS mà miễn TNHS; hoặc nếu phải chịu TNHS thì được giảm nhẹ TNHS hoặc miễn hình phạt, giảm hình phạt; hoặc trong quá trình chấp hành hình phạt được miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt, tha tù trước thời hạn có điều kiện,... Ngoài ra, việc áp dụng miễn, giảm TNHS và hình phạt còn mục đích tiết kiệm và hạn chế việc áp dụng các chế tài pháp lý hình sự và các biện pháp khác, trên cơ sở đó phát huy tính dân chủ và động viên mọi người dân, cơ quan, tổ chức, đặc biệt là gia đình của người phạm tội tích cực tham gia phối hợp cùng với Nhà nước, xã hội và các cơ quan tư

pháp hình sự trong việc giáo dục, cải tạo. Xét tổng thể, các nghiên cứu đã làm rõ khái niệm, điều kiện áp dụng và phân loại, nội dung của từng biện pháp miễn, giảm TNHS trước xét xử, trong xét xử và sau xét xử, qua đó, đánh giá và kiến nghị hoàn thiện quy định BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 về các biện pháp tương ứng như: Miễn TNHS, miễn hình phạt, miễn chấp hành hình phạt, án treo, xóa án tích...

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Trịnh Tiến Việt (2008), Những vấn đề lý luận và thực tiễn về miễn TNHS theo luật hình sự Việt Nam, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN; 2) Nguyễn Văn Bường (2017), Chế định án treo theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn miền Trung và Tây Nguyên, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội; 3) Nguyễn Văn Thủy (2020), Miễn chấp hành hình phạt theo luật hình sự Việt Nam, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN; 4) Nguyễn Quang Long (2020), Chế định án tích theo luật hình sự Việt Nam, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN; 5) Trần Thị Quỳnh (2021), Miễn, giảm hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội,...

Đáng chú ý, công trình của tác giả Trần Thị Quỳnh ngoài phân tích miễn hình phạt còn làm sáng tỏ vấn đề giảm hình phạt trong xét xử, cũng như chỉ ra những yêu cầu, đề xuất nội dung hoàn thiện quy định về miễn, giảm hình phạt trong BLHS năm 2015 trên phương diện lập pháp, đặc biệt là kiến nghị xây dựng hướng dẫn cụ thể về cách tính mức hình phạt áp dụng đối với trường hợp giảm hình phạt của Tòa án (khi có một hoặc và nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS), đồng thời đưa ra giải pháp bảo đảm áp dụng đúng trên phương diện thực tiễn [26; tr.138-140].

2.12. Trách nhiệm hình sự đối với người dưới 18 tuổi phạm tội

Trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam, về cơ bản các quan điểm lập pháp đều thống nhất rằng người dưới 18 tuổi là người chưa thành niên và đặt ra nhiều yêu cầu, chuẩn mực đối với việc bảo đảm quyền con người của đối tượng này, đặc biệt là khi quy định TNHS và việc xử lý trong thực tiễn. Các nghiên cứu tập trung làm sáng tỏ khái niệm, các nguyên tắc xử lý, hình

phạt và các biện pháp tư pháp hay biện pháp giám sát, giáo dục đối với đối tượng này khi được miễn TNHS, việc quyết định hình phạt hay chính sách hình sự đối với người dưới 18 tuổi, qua đó, làm rõ đặc trưng - người dưới 18 tuổi là người đang trong quá trình phát triển cả về tâm - sinh lý, cũng như ý thức, suy nghĩ, dễ bồng bột, nông nổi và thiếu kiềm chế. Việc xử lý người dưới 18 tuổi phạm tội phải bảo đảm lợi ích tốt nhất cho họ và chủ yếu nhằm mục đích giáo dục, giúp đỡ họ sửa chữa sai lầm, phát triển lành mạnh, trở thành công dân có ích cho xã hội, và vì vậy, ngày càng có nhiều nghiên cứu về việc mở rộng các hình phạt không tước tự do, tư pháp phục hồi và xử lý chuyển hướng đối với đối tượng này.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Đặng Thanh Nga, Trương Quang Vinh (2011), *Người chưa thành niên phạm tội: Đặc điểm tâm lý và chính sách xử lý*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 2) Hoàng Minh Đức (2016), *Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam hiện nay*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội; 3) Trịnh Thị Yến (2019), TNHS đối với người chưa thành niên phạm tội trong *Luật hình sự Việt Nam (Những vấn đề cơ bản của Phần chung)*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN...

Đáng chú ý, hai PGS.TS. Đặng Thanh Nga, Trương Quang Vinh đã tiếp cận liên ngành luật hình sự và tâm lý học trong lý giải đặc điểm tâm lý của người chưa thành niên phạm tội và sự tác động đến hành vi phạm tội của đối tượng này, thực tiễn xét xử và chính sách xử lý của Nhà nước, cũng như kiến nghị nâng cao trách nhiệm của gia đình, nhà trường và xã hội trong việc phòng ngừa đối tượng này... [27; tr.41-257].

2.13. Trách nhiệm hình sự đối với pháp nhân thương mại phạm tội

Một điểm mới cơ bản trong BLHS năm 2015 so với các bộ luật trước đây về chủ thể của tội

phạm là đã quy định chủ thể của tội phạm còn là “*pháp nhân thương mại*” thực hiện một số tội phạm trong Điều 76 BLHS năm 2015 cũng phải chịu TNHS. Căn cứ để quy định bổ sung pháp nhân thương mại phạm tội cũng phải chịu TNHS không những nhằm góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm do pháp nhân thực hiện (đặc biệt trong lĩnh vực môi trường, kinh tế, tài chính - ngân hàng...), mà còn phù hợp với yêu cầu toàn cầu hóa, hội nhập khu vực và quốc tế, cũng như đáp ứng kịp thời của thực tiễn xét xử. Các công trình nghiên cứu về vấn đề này chủ yếu trước khi ban hành BLHS năm 2015 (để luận giải) và sau khi ban hành BLHS năm 2015 để làm sáng tỏ cơ sở lý luận và thực tiễn của việc quy định TNHS của pháp nhân, loại tội phạm nhân phải chịu TNHS, phạm vi và điều kiện chịu TNHS của pháp nhân, kinh nghiệm lập pháp hình sự của các nước trên thế giới về vấn đề này, từ đó tiếp tục nghiên cứu, hoàn thiện quy định BLHS năm 2015.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Trịnh Quốc Toàn (2011), *TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 2) Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên, 2015), *Sửa đổi BLHS - Những nhận thức cần thay đổi*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 3) Lê Văn Cẩm (2019), *Chương mười. TNHS của pháp nhân thương mại phạm tội*, trong sách *Giáo trình Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự - Phần chung*, Nxb. ĐHQGHN,...

Tuy nhiên, hiện nay, mặc dù đã pháp điển hóa lần thứ ba luật hình sự và ghi rõ trong BLHS, nhưng vẫn còn nhiều nghiên cứu tranh luận theo hai quan điểm - có nên quy định hay không quy định TNHS của pháp nhân và pháp nhân là chủ thể của tội phạm hay chủ thể của TNHS/chủ thể liên đới chịu TNHS vẫn chưa có hồi kết [9; tr.710]; [28; tr.231]³.

³ Hiện nay, học thuyết truyền thống cho rằng pháp nhân chỉ có thể liên đới chịu TNHS do không phải thực thể sinh học nên không thể suy nghĩ, quyết định thực hiện được hành vi phạm tội (Xem: Lê Văn Cẩm, *Những vấn đề cơ bản khoa học trong luật hình sự - Phần chung (Giáo trình Sau đại học)*, Nxb. ĐHQGHN, 2019, tr.710) và học thuyết đồng nhất hóa hành vi của pháp nhân với hành vi của những người trong

pháp nhân đó (Xem: Trịnh Quốc Toàn, *TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011, tr.231). Tại Điều 8 BLHS Việt Nam năm 2015 quy định tội phạm “là hành vi nguy hiểm cho xã hội do... *pháp nhân thương mại* thực hiện...” đang áp dụng theo quan điểm thứ hai (TG).

2.14. Quyền con người trong luật hình sự Việt Nam

“*Cách tiếp cận quyền*” là “một cách tiếp cận trong công việc phát triển chính sách được dựa trên những quyền con người được quốc tế công nhận” hay là “một khái niệm khung về quá trình của sự phát triển con người mà nó được dựa trên các tiêu chuẩn quốc tế và hướng tới việc thúc đẩy và bảo vệ quyền con người” [29; tr.15-16]. Trên cơ sở này, các nghiên cứu bắt đầu tiếp cận dưới góc độ quyền con người trong luật hình sự để làm rõ các quyền con người và sự thể hiện quyền con người trong BLHS, quyền của một số đối tượng dễ tổn thương như quyền của phụ nữ, quyền của người dưới 18 tuổi phạm tội hay gắn với các tội phạm cụ thể, đặc biệt khi BLHS năm 2015 đã bổ sung thêm khách thể cần bảo vệ “*quyền con người*” trong khái niệm tội phạm tại Điều 8.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Trịnh Tiến Việt (2015), *Chương 2. Quyền con người trong pháp luật hình sự*, trong sách: Nguyễn Ngọc Chí (chủ biên), *Quyền con người trong lĩnh vực Tư pháp hình sự*, Nxb. Hồng Đức; 2) Trịnh Quốc Toàn (2015), *Nghiên cứu hình phạt trong luật hình sự Việt Nam dưới góc độ bảo vệ quyền con người*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 3) Vũ Thị Thu Quyên (2015), *Pháp luật về quyền của người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam*, LATS luật học, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, Hà Nội; 4) Trần Thị Hồng Lê (2017), *Bảo vệ quyền phụ nữ bằng pháp luật hình sự ở Việt Nam*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN; 5) Vũ Thị Phương (2019), *Bảo vệ quyền con người của trẻ em bằng pháp luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN; 6) Nguyễn Thị Bình (2021), *Bảo vệ quyền con người bằng quy định về các tội xâm phạm tình dục trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Trường đại học Luật Hà Nội; 7) Hoàng Hương Thủy (2022), *Bảo vệ quyền phụ nữ trong Tư pháp hình sự ở Việt Nam*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN...

2.15. Các tội phạm cụ thể, trách nhiệm hình sự đối với từng tội/nhóm tội phạm cụ thể

Nghiên cứu về các tội phạm cụ thể, TNHS đối với từng tội/nhóm tội phạm cụ thể trải dài các

chương của BLHS là một hướng nghiên cứu chiếm tỷ lệ đa số, xuất phát từ thực tiễn yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm, cũng như luận giải, đánh giá được thực trạng áp dụng pháp luật hình sự về các tội phạm đó, trên cơ sở này đã kiến nghị tiếp tục hoàn thiện quy định BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015 và giải pháp bảo đảm áp dụng.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Võ Khánh Vinh (1996), *Tìm hiểu TNHS đối với các tội phạm về chức vụ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 2) Đỗ Ngọc Quang (1997), *Tìm hiểu TNHS đối với các tội phạm về tham nhũng trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 3) Trần Văn Luyện (1998), *Trách nhiệm hình sự đối với các tội phạm về ma túy*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 4) Nguyễn Ngọc Chí (2000), *TNHS đối với các tội xâm phạm sở hữu*, LATS luật học, Viện Nhà nước và Pháp luật, Hà Nội; 5) Bạch Thành Định (2001), *Các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Trường đại học Luật Hà Nội; 6) Trịnh Tiến Việt (chủ biên, 2010), *Các tội xâm phạm quyền tự do, dân chủ của công dân theo luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội; 7) Nguyễn Mai Bộ (2011), *Các tội xâm phạm nghĩa vụ, trách nhiệm của quân nhân*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội; 8) Nguyễn Kim Chi (2015), *TNHS đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý hành chính*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN; 9) Nguyễn Tất Viễn (2016), *Các tội xâm phạm hoạt động tư pháp trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 10) Nguyễn Thị Lan (2017), *Các tội xâm phạm chế độ hôn nhân và gia đình theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 11) Nguyễn Chí Công (2017), *TNHS đối với các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN; 12) Ngô Nhất Linh (2017), *TNHS đối với các tội xâm phạm an ninh quốc gia trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội; 13) Vũ Hải Anh (2017), *Các tội xâm phạm nhân phẩm, danh dự của con người*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội; 14) Phạm Tài Tuệ (2018), *Các tội phạm về hàng giả theo pháp luật hình sự*

Việt Nam, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội; 15) Nguyễn Duy Hữu (2018), *Các tội xâm phạm sức khỏe của người khác theo luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN; 16) Nguyễn Ngọc Tĩnh (2019), *TNHS đối với các tội phạm về chức vụ theo pháp luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Lý luận Chính trị, Hà Nội; 17) Trần Huy Đức (2019), *Các tội phạm về tham nhũng theo pháp luật hình sự Việt Nam từ thực tiễn thành phố Đà Nẵng*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội; 18) Nguyễn Thị Ngọc Linh (2020), *Các tội xâm phạm tình dục trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 19) Nguyễn Quý Khuyến (2021), *Tội phạm trong lĩnh vực công nghệ thông tin, mạng viễn thông theo luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Trường đại học Luật Hà Nội; 20) Ngô Ngọc Diễm (2021), *Các tội phạm về môi trường trong luật hình sự Việt Nam*, LATS luật học, Khoa Luật, ĐHQGHN,... Đây là hướng được triển khai nhiều trong thời gian qua không chỉ bởi sách chuyên khảo, bình luận khoa học mà cả các LATS luật học, góp phần hoàn thiện cơ sở pháp lý của TNHS đối với từng tội/nhóm tội và góp phần đấu tranh phòng, chống tội phạm.

2.16. Định tội danh

Định tội danh là nội dung đặc trưng của hoạt động áp dụng pháp luật hình sự trong quá trình (hoạt động) xét xử, là một trong các hình thức đưa quy phạm pháp luật hình sự vào thực tiễn xét xử. Cụ thể, trên cơ sở xác định chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội gì, có thuộc phạm vi điều chỉnh của BLHS không, quy định tại điều, khoản nào của BLHS, Tòa án sẽ quyết định một hình phạt (mức và loại) phù hợp, tương xứng đối với chủ thể đã thực hiện hành vi phạm tội đó. Về cơ bản, các nghiên cứu đã làm sáng tỏ những vấn đề lý luận về định tội danh như: khái niệm, ý nghĩa khoa học - thực tiễn của việc định tội danh, căn cứ khoa học và căn cứ pháp lý của việc định tội danh, các giai đoạn, các điều kiện bảo đảm định tội danh, định tội danh trong các trường hợp đặc biệt; cũng như định tội danh gắn với các nhóm tội danh hoặc một tội danh cụ thể hay gắn với

việc quyết định hình phạt với tư cách là *hai* hoạt động chính trong áp dụng pháp luật hình sự.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Lê Văn Đệ (2010), *Định tội danh và quyết định hình phạt trong luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 2) Đoàn Tuấn Minh (2010), *Phương pháp định tội danh và hướng dẫn định tội danh đối với tội phạm trong BLHS hiện hành*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 3) Lê Văn Cẩm, Trịnh Quốc Toàn (2011), *Định tội danh (Lý luận, lời giải mẫu và 500 bài tập)*, Nxb. ĐHQGHN, Hà Nội; 4) Võ Khánh Vinh (2013), *Lý luận chung về định tội danh*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội; 5) Lê Đăng Doanh (2014), *Định tội danh đối với các tội xâm phạm sở hữu*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 6) Dương Tuyết Miên (2007, 2021), *Định tội danh và quyết định hình phạt*, Nxb. Lao động, Hà Nội và Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 7) Võ Khánh Vinh (2021), *Áp dụng pháp luật hình sự: Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội,...

Ngoài ra, tác giả Trịnh Tiến Việt với công trình “*55 cặp tội danh dễ nhầm lẫn trong BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017*” đã giới thiệu cách xác định tội danh bằng nhau, tội danh nặng hơn và tội danh nhẹ hơn, nêu phương pháp học - hiểu - nhớ tội danh, những vấn đề cần lưu ý và làm sáng tỏ những điểm mâu chốt phân biệt 55 cặp tội danh dễ nhầm lẫn trong BLHS năm 2015, qua đó, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật, cũng như công tác vận dụng kiến thức luật hình sự trong thực tiễn xác định tội danh và định tội danh [30].

2.17. Luật hình sự quốc tế, luật hình sự so sánh và luật hình sự nước ngoài

Nghiên cứu về luật hình sự quốc tế, luật hình sự so sánh và luật hình sự nước ngoài cũng là một xu hướng nghiên cứu trong giai đoạn vừa qua, làm rõ vai trò của luật hình sự quốc tế trong việc bảo vệ quyền con người, nghiên cứu về các tội phạm quốc tế, so sánh luật hình sự nước ngoài và bước đầu triển khai luật hình sự so sánh với tư cách là một cách tiếp cận mới.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Nguyễn Thị Thuận (chủ biên, 2007), *Luật hình sự quốc tế*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội [31]; 2) Nguyễn

Ngọc Chí (chủ biên, 2011), *Những vấn đề lý luận thực tiễn về luật hình sự quốc tế*, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội [32]; 3) Đào Lê Thu (2011), *Các tội phạm về hối lộ theo luật hình sự Việt Nam trong sự so sánh với luật hình sự Thụy Điển và Australia*, LATS luật học, Trường đại học Luật Hà Nội; 4) Hồ Sỹ Sơn (2018), *Luật hình sự so sánh*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội; 5) Nguyễn Thị Hồng Hạnh (2018), *So sánh các quy định về hình phạt của pháp luật hình sự Việt Nam và pháp luật hình sự Cộng hòa Pháp*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội; 6) Lê Trung Kiên (2018), *Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam và Trung Quốc*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội [33]...

Đáng chú ý, nghiên cứu về Luật hình sự so sánh mới có công trình là sách chuyên khảo của PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn với 11 chương, trình bày khái niệm; đối tượng nghiên cứu và phương pháp nghiên cứu của luật hình sự so sánh; mối quan hệ giữa luật hình sự so sánh với lý luận chung về Nhà nước và pháp luật; lịch sử pháp luật; pháp luật hình sự quốc tế; Tội phạm học; Phân loại các hệ thống pháp luật hình sự trên thế giới. Cùng với đó, cuốn sách làm rõ các chế định cơ bản thuộc Phần chung BLHS: Nguồn của luật hình sự; tội phạm; chủ thể của tội phạm; các giai đoạn thực hiện tội phạm; đồng phạm, hình phạt; các loại hình phạt; quyết định hình phạt... và thuộc Phần các tội phạm của BLHS: Các tội xâm phạm tính mạng; các tội xâm phạm sở hữu; các tội phạm về tinh dục. Cũng trong cuốn sách tác giả có sự đối chiếu pháp luật hình sự, thực tiễn xét xử hình sự và các học thuyết pháp lý hình sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Liên bang Nga, Cộng hòa Pháp, Cộng hòa Liên bang Đức, Cộng hòa Tây Ban Nha, Hoa Kỳ, Vương quốc Anh, Cộng hòa Thụy Sĩ, Cộng hòa Ba Lan, Cộng hòa nhân dân Trung Hoa [34; tr.7-444].

2.18. *Bình luận khoa học nội dung điều khoản của BLHS và kiến nghị tiếp tục hoàn thiện BLHS*

Mỗi lần pháp điển hóa luật hình sự với việc ban hành BLHS mới, các nghiên cứu lại tập trung bình luận khoa học Phần chung hoặc Phần riêng BLHS hoặc cả BLHS để làm sáng tỏ nội dung, tinh thần của điều luật và những điểm mới của

BLHS, cũng như các dấu hiệu pháp lý của từng tội danh. Ngoài ra, một số công trình còn phân tích, làm rõ những hạn chế để từ đó kiến nghị tiếp tục đổi mới, hoàn thiện BLHS.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Đào Trí Úc (chủ biên, 1993), *Mô hình lý luận về BLHS Việt Nam (Phần chung)*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội; 2) Đào Trí Úc (chủ biên, 1994), *Những vấn đề lý luận của việc đổi mới pháp luật hình sự trong giai đoạn hiện nay*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 3) Trường đại học Luật Hà Nội (1997), *Luật hình sự Việt Nam - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 4) Lê Cẩm (1999), *Hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn xây dựng Nhà nước pháp quyền (Một số vấn đề cơ bản của Phần chung)*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 5) Trịnh Tiến Việt (2012), *Hoàn thiện các quy định Phần chung BLHS trước yêu cầu mới của đất nước*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội; 6) Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên, 2017), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần chung)*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 7) Lê Đăng Doanh, Cao Thị Oanh (đồng chủ biên, 2017), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)*, Nxb. Lao động, Hà Nội; 8) Nguyễn Ngọc Hòa (chủ biên, 2018), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (Phần các tội phạm)*, Quyển 1, Quyển 2, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 9) Trần Văn Luyện và tập thể tác giả (2018), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015*, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội; 10) Lê Văn Cẩm (biên soạn, 2019), *Nhận thức khoa học về Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba*, Nxb. ĐHQGHN; 11) Nguyễn Minh Khuê (chủ biên, 2019), *Bình luận khoa học BLHS hiện hành (BLHS năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017), Tập 1 - Những quy định chung*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2019; 12) Phạm Mạnh Hùng (2019), *Bình luận khoa học BLHS năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 - Phần các tội phạm*, Nxb. Lao động, Hà Nội; 13) Trịnh Tiến Việt (2021), *Tổng quan về luật hình sự Việt Nam*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội...

Đáng chú ý, tác giả Đinh Văn Quế đã có bộ sách *Bình luận khoa học BLHS* cả Phần chung và

Phần các tội phạm nhiều tập và tái bản nhiều lần, tiếp cận dưới góc độ thực tiễn để làm sáng tỏ các nội dung của BLHS, phục vụ công tác thực tiễn và được bạn đọc và cán bộ thực tiễn đón nhận [35]. Ngoài ra, dưới góc độ khoa học, GS.TSKH. Lê Văn Cẩm với công trình: “*Nhận thức khoa học về Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba*”, Nxb. ĐHQGHN, Hà Nội, 2019 đã kiến nghị một Dự thảo về Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba với các đề xuất cụ thể làm tư liệu tham khảo hữu ích cho các nhà làm luật nước ta [10; tr.157-315].

2.19. Bình luận án, bình luận án lệ

Xuất phát từ nhu cầu thực tiễn, học tập, các nghiên cứu cũng bước đầu đi sâu phân tích các vụ án cụ thể đã xảy ra trong thực tiễn, từ đó nêu quan điểm khoa học và bình luận dưới góc độ pháp lý hình sự và ở góc độ nhất định cũng gắn với việc định tội danh.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Đinh Văn Quế (1998), *Bình luận án*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh; 2) Trịnh Tiên Việt (2003), *Pháp luật hình sự và thực tiễn áp dụng*, Nxb. Giao thông Vận tải, Hà Nội; 3) Đinh Văn Quế (2007), *Bình luận án và một số vấn đề thực tiễn áp dụng trong BLHS và Bộ luật Tố tụng Hình sự*, Nxb. Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh; 4) Lê Văn Luật (2010), *Pháp luật hình sự Việt Nam - Một số vấn đề lý luận và thực tiễn*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 5) Phạm Văn Thiệu (2014), *Bình luận 50 vụ án khó và phức tạp*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 6) Đỗ Đức Hồng Hà (chủ biên, 2018), *Bình luận tội giết người và một số vụ án phức tạp*, Nxb. Lao động, Hà Nội...

Bên cạnh đó, nghiên cứu về án lệ, Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020”, xác định: “Tòa án nhân dân tối cao có nhiệm vụ

tổng kết kinh nghiệm xét xử, hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật, phát triển án lệ và xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm”. Sau đó, tại điểm c khoản 2 Điều 22 Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 đã quy định về nhiệm vụ của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao: “Lựa chọn quyết định giám đốc thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật, có tính chuẩn mực của các Tòa án, tổng kết phát triển thành án lệ và công bố án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử”. Vì vậy, ngày 18/6/2019, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao đã ban hành Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ⁴. Trên cơ sở này, đã có nhiều nghiên cứu về án lệ, bình luận án lệ và đưa ra các quan điểm khác nhau về án lệ.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Nguyễn Bá Bình (chủ biên, 2018), *Án lệ và sử dụng án lệ trong đào tạo luật ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 2) Nguyễn Thanh Mận (2019), *Án lệ hình sự ở Việt Nam hiện nay*, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội; 3) Lưu Tiến Dũng (2021), *Án lệ Việt Nam - Phân tích và luận giải*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 4) Tường Duy Lượng (2021), *Bình luận khoa học bản án và án lệ*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội,...

Đáng chú ý, có công trình của TS. Nguyễn Văn Nam “*Lý luận và thực tiễn về án lệ trong hệ thống pháp luật của các nước Anh, Mỹ, Pháp, Đức và những kiến nghị đối với Việt Nam*”, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2012 đã làm rõ lý luận về án lệ, án lệ trong hệ thống Common Law và trong hệ thống Civil Law, án lệ trong pháp luật Việt Nam và những kiến nghị đối với Việt Nam, trong đó, có nêu vai trò của án lệ cho sự phát triển đào tạo luật học và vai trò của Tòa án nhân dân tối cao [36; tr.395-450].

⁴ Điều 1 đã quy định khái niệm án lệ “là những lập luận, phán quyết trong bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án về một vụ việc cụ thể được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao lựa chọn và được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố là án lệ để các Tòa án nghiên cứu, áp dụng trong xét xử” và Điều 2 đã quy định về tiêu chí lựa chọn án lệ: “Án lệ được lựa chọn phải đáp ứng các tiêu chí sau đây: 1. Có giá trị làm rõ quy định của pháp luật còn có

cách hiểu khác nhau, phân tích, giải thích các vấn đề, sự kiện pháp lý và chỉ ra nguyên tắc, đường lối xử lý, quy phạm pháp luật cần áp dụng trong một vụ việc cụ thể hoặc thể hiện lẽ công bằng đối với những vấn đề chưa có điều luật quy định cụ thể; 2. Có tính chuẩn mực; 3. Có giá trị hướng dẫn áp dụng thống nhất pháp luật trong xét xử”.

2.20. Đổi mới phương pháp dạy - học về học phần luật hình sự

Nghiên cứu về đổi mới phương pháp dạy - học góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, phục vụ tốt yêu cầu nghiên cứu, giảng dạy, học tập, nâng cao sự hứng thú và đam mê của học phần luật hình sự.

Những nghiên cứu điển hình như: 1) Nguyễn Tiến Trung (1998), *Cơ sở xây dựng và phương pháp áp dụng luật hình sự*, Trung tâm tư vấn pháp luật, Nxb. Thống kê, Hà Nội; 2) Cao Văn Hào (chủ biên, 2007), *Hướng dẫn học tập môn luật hình sự Phần chung*, Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Trẻ; 3) Cao Văn Hào (chủ biên, 2007), *Hướng dẫn học tập môn luật hình sự Phần các tội phạm*, Trường đại học Luật thành phố Hồ Chí Minh, Nxb. Trẻ; 4) Đỗ Đức Hồng Hà (2009), *Dạy - học môn luật hình sự Việt Nam theo tín chỉ*, Nxb. Tư pháp, Hà Nội; 5) Trần Thị Ngọc Kim (2017), *Hướng dẫn học tập môn luật hình sự - Một số tội phạm cụ thể*, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội; 6) Trần Văn Hải (2019), *Tài liệu học tập hướng dẫn giải quyết tình huống học phần luật hình sự*, Trường đại học Luật, Đại học Huế... Mặc dù vậy, vẫn chưa có nghiên cứu mang tính tổng thể về phương pháp học - hiểu - nhớ và phương pháp áp dụng các biện pháp cưỡng chế về hình sự.

3. “Khoảng trống” trong những nghiên cứu lý luận về luật hình sự Việt Nam từ năm 1986 đến nay và các định hướng phát triển trong tương lai

Như vậy, nghiên cứu, tổng kết thành tựu trong những nghiên cứu lý luận của luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn 1986 đến nay đã cho thấy sự hình thành và phát triển của luật hình sự, đóng góp của những nghiên cứu lý luận (do sự tâm huyết của các nhà khoa học luật hình sự đi trước và hiện nay), qua đó, đã cung cấp dữ liệu khoa học cho việc hoạch định, xây dựng và đề xuất hoàn thiện pháp luật hình sự trong mỗi lần pháp điển hóa và sửa đổi, bổ sung (BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 và BLHS năm 2015) trên cơ sở

nghiên cứu chính sách hình sự, tổng kết thực tiễn xét xử để rút ra bài học kinh nghiệm; để ra giải pháp phát huy hiệu quả áp dụng của luật hình sự trong thực tiễn thi hành, đồng thời góp phần nâng cao trình độ hiểu biết pháp luật và ý thức tôn trọng và tuân thủ pháp luật của nhân dân, nâng cao hiệu quả công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm đạt hiệu quả cao, bảo đảm an ninh quốc gia, an ninh trật tự, an toàn xã hội, tôn trọng và bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Tuy nhiên, tổng kết còn cho thấy “khoảng trống” trong những nghiên cứu lý luận trên thể hiện qua nhóm vấn đề dưới đây và người viết cho rằng, đây cũng chính là *các định hướng phát triển trong thời gian tới* để những nghiên cứu về luật hình sự “khỏa lấp” được khoảng trống đó.

3.1. Chính sách hình sự

Trong giai đoạn đang nghiên cứu cho thấy, vẫn còn thiếu những nghiên cứu tổng thể, toàn diện về chính sách hình sự; mối liên hệ giữa chính sách hình sự và pháp luật hình sự, chính sách hình sự với các chính sách khác (xã hội, văn hóa, kinh tế, khoa học-công nghệ...); những cơ sở khoa học - thực tiễn của việc hoạch định chính sách hình sự trong giai đoạn mới, đặc biệt trước bối cảnh an ninh phi truyền thống, đại dịch Covid-19, tình trạng khẩn cấp hay dưới tinh thần (ánh sáng) Nghị quyết đại hội lần thứ XIII của Đảng, cũng như những nghiên cứu chuyên sâu vào từng lĩnh vực cụ thể - chính sách pháp luật hình sự, chính sách pháp luật tố tụng hình sự và chính sách pháp luật thi hành án hình sự; cũng như *các giá trị xã hội* của chính sách hình sự.

3.2. Đạo luật hình sự

Vẫn thiếu những nghiên cứu mang tính tổng thể, toàn diện về chế định các nguyên tắc của luật hình sự Việt Nam và đi sâu một số nguyên tắc cụ thể chưa được nghiên cứu như: nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm, nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, nguyên tắc dân chủ, nguyên tắc về TNHS của pháp nhân...

Hoặc chưa có nghiên cứu về hiệu lực của luật hình sự về thời gian, hiệu lực hồi tố, chức năng

của luật hình sự... Hay ứng dụng nội dung có giá trị trong những trường phái lý luận chính bao gồm: Trường phái khai sáng - nhân văn; trường phái cổ điển; trường phái nhân chủng học; trường phái xã hội học trong nghiên cứu, xây dựng và hoàn thiện BLHS (như nguyên tắc lỗi, chủ thể của tội phạm, triết lý về hình phạt)...

3.3. Tội phạm, cấu thành tội phạm

Mặc dù đã được đề cập nhiều về tội phạm và cấu thành tội phạm nhưng vẫn còn thiếu nghiên cứu về “hiện tượng” tội phạm dưới cách tiếp cận liên ngành, đa ngành (ví dụ giữa luật hình sự và tội phạm học, giữa luật hình sự với xã hội học...); nghiên cứu từng các giai đoạn phạm tội, vấn đề đồng phạm và phạm tội có tổ chức đối với pháp nhân thương mại phạm tội.

Hoặc nghiên cứu sâu về từng yếu tố cấu thành tội phạm - Khách thể của tội phạm, mặt khách quan của tội phạm và mặt chủ quan của tội phạm, cũng như vấn đề cấu thành tội phạm đối với pháp nhân thương mại phạm tội...

3.4. Hình phạt, quyết định hình phạt, các biện pháp tư pháp

Đây cũng là vấn đề đã được đề cập nhiều nhưng vẫn còn thiếu nghiên cứu riêng về từng hình phạt chính (như: cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, trục xuất); về từng hình phạt bổ sung và từng biện pháp tư pháp đối với ba đối tượng - người phạm tội, pháp nhân thương mại phạm tội và người dưới 18 tuổi phạm tội.

Hoặc vấn đề mục đích của hình phạt, hiệu quả của hình phạt và so sánh về hình phạt với các nước cũng chưa được nghiên cứu nhiều. Tương tự, còn thiếu nghiên cứu về quyết định hình phạt trong các trường hợp cụ thể, quyết định hình phạt đối pháp nhân thương mại phạm tội, mối liên hệ giữa hình phạt - quyết định hình phạt - chấp hành hình phạt,... Hay vấn đề áp dụng pháp luật hình sự theo *nguyên tắc mở rộng* (không chỉ định tội danh và quyết định hình phạt) - cũng mới có GS.TS. Võ Khánh Vinh với công trình “*Áp dụng pháp luật hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn*” [37].

3.5. Miễn, giảm trách nhiệm hình sự và hình phạt và việc mở rộng phạm vi

Trước xu thế nhân đạo hóa luật hình sự, vẫn còn thiếu nghiên cứu về một số biện pháp như: giảm thời hạn chấp hành hình phạt, hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, tha tù trước thời hạn có điều kiện... trong hệ thống những biện pháp miễn, giảm TNHS; thiếu nghiên cứu liên thông các vấn đề trên giữa luật hình sự - luật tố tụng hình sự - luật thi hành án hình sự - tội phạm học...

Ngoài ra, còn thiếu nghiên cứu chuyên sâu theo xu hướng chung của luật hình sự trên thế giới về mở rộng các biện pháp này (ví dụ như: chế định tư pháp phục hồi...).

3.6. Tính thống nhất và kỹ thuật lập pháp hình sự

Hiện nay, ngoài một số bài viết và đề tài nghiên cứu của GS.TS. Nguyễn Ngọc Hòa [38], còn dường như ít nghiên cứu về tính thống nhất của BLHS trong nội tại của BLHS (giữa Phần chung với Phần chung, Phần chung với Phần các tội phạm và Phần các tội phạm với nhau), giữa BLHS với các đạo luật chuyên ngành khác...; chưa có nghiên cứu về kỹ thuật lập pháp hình sự (cách xây dựng cấu thành tội phạm, thiết kế chương, điều, khoản, mức và loại hình phạt, phân loại tội phạm,...). Bên cạnh đó, cũng chưa có nhiều nghiên cứu làm sáng tỏ cơ sở và phương pháp áp dụng luật hình sự như: phương pháp định tội, phương pháp áp dụng hình phạt, phương pháp áp dụng biện pháp tư pháp...

3.7. Vấn đề mở rộng nguồn của luật hình sự

Đây cũng là nội dung định hướng nghiên cứu trong quá trình sửa đổi, bổ sung BLHS với nhiều ý kiến khác nhau, có nghĩa “tội phạm” và “hình phạt” không chỉ được quy định trong BLHS mà còn được quy định trong các văn bản pháp luật chuyên ngành. Chắc chắn, sẽ có lộ trình thích hợp để mở rộng nguồn quy định về tội phạm, để đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phòng, chống tội phạm (BLHS không kịp bổ sung thường xuyên, kịp thời) và phù hợp với xu hướng phát triển chung của luật hình sự trên thế giới. Theo GS.TS.

Nguyễn Ngọc Hòa trong cuốn sách: “*Sửa đổi BLHS: Những nhận thức cần thay đổi*”, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2015 đã chỉ ra những ưu điểm như: 1) Bảo đảm tính ổn định của BLHS; 2) Bảo đảm tính phù hợp, tính toàn diện của ngành luật hình sự và; 3) Bảo đảm tính đồng bộ của hệ thống pháp luật... [39; tr.25-26].

3.8. Án lệ

Tương tự, hiện nay, đã có nhiều nghiên cứu về án lệ từ khi có Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về “*Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020*”, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014 và Nghị quyết số 04/2019/NQ-HĐTP của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về quy trình lựa chọn, công bố và áp dụng án lệ. Tuy nhiên, trong thời gian tới cần có nhiều nghiên cứu và làm rõ bản chất của án lệ (chứ không phải án mẫu), bình luận án lệ và đưa ra các quan điểm khác nhau về án lệ nhằm hoàn thiện nguồn của luật hình sự.

3.9. Triết lý tội danh và việc sửa đổi, bổ sung hoàn thiện pháp luật hình sự

Mặc dù nghiên cứu về các tội phạm (hay nói rộng ra là Phần các tội phạm) trong BLHS đây là vấn đề được nghiên cứu đầy đủ, toàn diện và tương đối đa dạng về dấu hiệu pháp lý, về hình phạt và về TNHS của từng tội danh hoặc nhóm tội danh, nhưng dưới góc độ lý luận, chưa có nghiên cứu nào làm sáng tỏ triết lý của BLHS, triết lý của nhóm tội phạm và của từng tội danh trong BLHS làm cơ sở cho việc xây dựng, hoạch định và điều chỉnh chính sách hình sự và sửa đổi, bổ sung BLHS cho sát với thực tiễn. Ví dụ, triết lý khi xây dựng, quy định tội phạm bội Tổ quốc trong BLHS xuất phát từ chỗ, Hiến pháp năm 2013 đã nêu rõ, bảo vệ Tổ quốc là nghĩa vụ thiêng liêng và quyền cao quý của công dân. Công dân có nghĩa vụ trung thành với Tổ quốc. Phản bội Tổ quốc là tội nặng nhất. Vì vậy, tội phạm này được quy định tại Điều 108 BLHS năm 2015, xếp vị trí đầu tiên trong chương về các tội xâm phạm an ninh quốc gia. Hoặc BLHS quy định tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự xuất phát từ triết lý - mục tiêu xóa bỏ bóc lột và những mầm mống của sự

thống trị, phân hóa giai cấp trong điều kiện nền kinh tế thị trường, tiến tới xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, không chấp nhận những ai làm giàu từ việc bóc lột, không phải là kết quả của lao động chân chính mà phải trên cơ sở luật pháp... Hoặc quy định tội loạn luân trong BLHS là ngăn chặn việc quan hệ phối giống di truyền giữa người này với người khác có gen giống nhau (hôn nhân cận huyết), ảnh hưởng đến sự phát triển bình thường của giống nòi do đặc điểm di truyền học, ngoài ra, xâm phạm thuần phong, mỹ tục, đạo lý... Do đó, nếu có “triết lý” của từng vấn đề này thì khi tội phạm hóa, phi tội phạm hóa và mỗi lần sửa đổi, bổ sung BLHS chúng ta sẽ có cơ sở lý luận và thực tiễn vững chắc và bảo đảm tính thực tiễn của việc quy định tội phạm, TNHS và hình phạt.

3.10. Luật hình sự so sánh, luật hình sự nước ngoài

Ngoài sách chuyên khảo “*Luật hình sự so sánh*”, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, 2018 của PGS.TS. Hồ Sỹ Sơn [31] và một số bài viết, đề tài ở một số cơ sở đào tạo, vẫn thiếu nhiều nghiên cứu về lĩnh vực này, đặc biệt là so sánh, đi sâu từng chế định trong luật hình sự, về mối liên hệ giữa luật hình sự so sánh với tội phạm học, với lịch sử pháp luật, với luật hình sự quốc tế...

Cùng với đó, chưa có nghiên cứu chuyên sâu làm rõ luật hình sự nước ngoài, đặc biệt là hệ thống pháp luật hình sự theo khu vực và truyền thống pháp luật.

3.11. Luật hình sự với các ngành khoa học khác, ứng dụng các lý thuyết nghiên cứu

Mới có một số LATS tiếp cận liên ngành luật hình sự và tội phạm học [40], nhưng chưa có nghiên cứu đi sâu làm sáng tỏ mối liên hệ nội dung trong các lĩnh vực luật hình sự với luật tố tụng hình sự, luật thi hành án hình sự và tội phạm học; giữa luật hình sự với triết học, tâm lý học, công nghệ học, ví dụ mới có góc độ xã hội học luật hình sự là luận án của tác giả Võ Khánh Linh [41] đến nay chưa có nhiều nghiên cứu khác (ví dụ: xã hội học tội phạm, triết học luật hình sự, chấp hành hình phạt và tái hòa nhập xã hội; hiệu quả và tính ứng dụng của hình phạt... [42].

Hoặc ứng dụng các lý thuyết liên ngành luật kinh tế và luật hình sự đem lại hiệu quả của luật hình sự (ví dụ: lý thuyết chi phí kinh tế trong luật hình sự [43]); liên ngành khoa học an ninh và luật hình sự (ví dụ: lý thuyết quản trị an ninh phi truyền thống ứng phó trước tội phạm phi truyền thống [44]); liên ngành luật hình sự và tội phạm học (ví dụ: lý thuyết không gian phòng thủ, lý thuyết “cửa sổ bị vỡ”...).

3.12. Giá trị xã hội của luật hình sự

Đây cũng là một nội dung mới trong nghiên cứu luật hình sự, căn cứ vào bối cảnh chính trị, xã hội, văn hóa, truyền thống dân tộc, thực tiễn đấu tranh phòng, chống tội phạm và giáo dục, cải tạo người phạm tội. Giá trị xã hội của luật hình sự là tổng hợp các yếu tố hữu ích tạo ra vai trò của luật hình sự đối với xã hội, gắn liền với việc điều chỉnh của luật hình sự. Mỗi lĩnh vực, mỗi ngành đều có các giá trị xã hội khác nhau. Luật hình sự với các giá trị như: nhân đạo, bình đẳng, công bằng, dân chủ, quyền con người, hướng thiện và phòng ngừa xã hội... cần được lĩnh hội, nghiên cứu và từng bước cụ thể hóa vào trong lập pháp và thực tiễn áp dụng pháp luật hình sự.

3.13. Xu hướng phát triển của luật hình sự

Bước đầu, đã có một số nhà khoa học đề cập trong một vài bài viết hoặc nội dung nhỏ trong sách chuyên khảo như: GS.TSKH. Đào Trí Úc, GS.TS. Võ Khánh Vinh... nhưng chưa có nghiên cứu nào đi sâu đặc biệt là triển khai nội dung của từng xu hướng - nhân đạo hóa, phân hóa và quốc tế hóa trong luật hình sự và hiện nay thêm cả xu hướng hiện đại hóa (theo cách gọi của GS.TS. Võ Khánh Vinh). Cùng với đó, GS.TSKH. Lê Văn Cẩm đề nghị nghiên cứu thêm cả những vấn đề lý luận về lập pháp trong Nhà nước pháp quyền - với khái niệm, nội dung và các nguyên tắc cơ bản, cấp độ điều chỉnh của một văn bản pháp luật [10; tr.181-197]... Ngoài ra, xu hướng quyền con người,

đề cao giá trị quyền con người trong từng nội dung của luật hình sự cũng là mũi nhọn mà luật hình sự các nước đang hướng tới không chỉ trong lập pháp mà cả trong thực tiễn áp dụng.

3.14. Tội phạm trí tuệ nhân tạo (AI) và trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với thực thể AI

BLHS năm 1985, BLHS năm 1999 (tạm gọi là quá khứ) đã quy định TNHS và hình phạt đối với người phạm tội; BLHS năm 2015 (tạm gọi là hiện tại) đã có những sửa đổi, bổ sung mang tính đột phá về tư duy trong chính sách hình sự khi quy định thêm vấn đề TNHS và hình phạt đối với pháp nhân thương mại phạm tội, qua đó, từng bước đáp ứng yêu cầu của thực tiễn phát triển xã hội. Đặc biệt, đặt trong bối cảnh trên toàn thế giới trong đó có Việt Nam đang diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (4.0) - sự kết hợp của công nghệ trong các lĩnh vực vật lý, số hóa và sinh học, tạo ra thời đại công nghệ thông tin kết hợp giữa các hệ thống ảo và thực thể, vạn vật đều kết nối Internet và các hệ thống kết nối Internet diễn ra trên phạm vi toàn cầu [45; tr.201-279]. Do đó, câu hỏi pháp lý đặt ra là, viễn cảnh tương lai trong BLHS “năm nào đó” liệu có bổ sung thêm TNHS đối với thực thể trí tuệ nhân tạo (Artificial Intelligence, viết tắt là AI [46; p.171-219]; [47; p.36-75]; [48; p.1-9]; [49; p.1-10]; [50; p.3-47] - độc lập hay liên đới) không. Chức năng dự báo của khoa học đòi hỏi đặt ra nghiên cứu để có phương án pháp lý kịp thời điều chỉnh quan hệ xã hội phát sinh và sẽ dần hình thành trong tương lai (mặc dù có thể mâu thuẫn, khoa học viễn tưởng và chưa phù hợp với nhận thức hiện tại). Vì vậy, người viết đang theo đuổi hướng nghiên cứu này [51; tr.14-15]; [52; tr.1-16]; [53; tr.17-21] và cho rằng vấn đề này kéo theo phải xây dựng Luật về trí tuệ nhân tạo (AI) và hoàn thiện các đạo luật về công nghệ, đi kèm nghiên cứu và ứng phó với một loại tội phạm mới - tội phạm AI (Artificial Intelligence Crime, AIC)⁵ [21; tr.401-403].

⁵ Hiện nay, nhiều nước trên thế giới đang nghiên cứu, ban hành dự thảo về Luật cho AI hoặc nghiên cứu, ban hành hệ thống quy định, quy tắc về AI nhằm cân bằng lợi ích giữa khoa học sáng tạo với những nguy cơ và sự hủy diệt xảy ra đối với con người. Tuy nhiên, về lý thuyết, một hệ quả không

mong muốn là tội phạm AI có thể xảy ra, xuất phát từ những thí nghiệm về “lỗi tự động” hay là biểu hiện của việc thao túng “thị trường mô phỏng” do AI định hướng. Do đó, quan niệm về “tội phạm AI” cần nghiên cứu, đánh giá liên ngành -

Tóm lại, từ ý kiến đúng đắn của PGS.TS. Nguyễn Như Phát: “Việt Nam đã tổng kết thành tựu của 30 năm đổi mới, thiết nghĩ sau hơn 30 năm trưởng thành và phát triển của khoa học pháp lý và trong bối cảnh đất nước đang đi vào giai đoạn phát triển mới cần có hoạt động tổng quan, tổng kết để thấy được những kết quả tích cực cũng như những hạn chế, bất cập của hoạt động nghiên cứu pháp luật này để từ đó gợi mở những nhu cầu, định hướng nghiên cứu mới nhằm đáp ứng sự phát triển của Việt Nam trong thời kỳ mới” [54; tr.10]. Chính vì vậy, ở mức độ khái quát và chọn lọc (chắc chắn chưa hết), nhưng hy vọng rằng, với việc đánh giá thực trạng, làm rõ “*khoảng trống*” trong những nghiên cứu lý luận của luật hình sự Việt Nam giai đoạn 1986 đến nay và các định hướng phát triển với từng hội thảo khoa học [55] sẽ làm cơ sở cho những nghiên cứu tiếp theo và tổng kết các lĩnh vực khác là nhiệm vụ đặt ra cho các nhà khoa học - luật gia của đất nước.

Tài liệu tham khảo

- [1] T. H. Rứa, H. C. Bảo, T. K. Việt, L. N. Tòng (đồng chủ biên), Quá trình đổi mới tư duy lý luận của Đảng từ năm 1986 đến nay, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2006.
- [2] L. V. Cẩm, Sách chuyên khảo Sau đại học: Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự (Phần chung), Nxb. ĐHQGHN, 2005.
- [3] Đ. T. Úc, Luật hình sự Việt Nam (Quyển 1 - Những vấn đề chung), Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2000.
- [4] H. M. Đức, Chính sách hình sự đối với người chưa thành niên phạm tội ở Việt Nam hiện nay, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2016.
- [5] D. T. Đoàn, Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với các tội phạm về chức vụ, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2017.
- [6] T. V. Hải, Chính sách pháp luật hình sự Việt Nam đối với các tội xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2021.
- [7] H. T. K. Ánh, Chính sách pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam đối với người dưới 18 tuổi phạm tội, LATS Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2020.
- [8] T. T. Việt (chủ biên), Chính sách hình sự Việt Nam trước thách thức Cách mạng công nghiệp 4.0, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2020.
- [9] L. V. Cẩm, Những vấn đề cơ bản trong khoa học luật hình sự - Phần chung (Giáo trình Sau đại học), Nxb. ĐHQGHN, 2019.
- [10] L. V. Cẩm (biên soạn), Chương 2. Các nguyên tắc của pháp luật hình sự Việt Nam, trong Sách chuyên khảo: Nhận thức khoa học về Phần chung pháp luật hình sự Việt Nam sau pháp điển hóa lần thứ ba, Nxb. ĐHQGHN, 2018.
- [11] N. A. Tuấn, Nguồn của luật hình sự Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2010.
- [12] L. V. Cẩm, 75 năm hình thành, phát triển của hệ thống pháp luật hình sự Việt Nam và định hướng tiếp tục hoàn thiện (1945 - 2020), Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2020.
- [13] T. T. Việt, Nguyễn Khắc Hải (đồng chủ biên), Giáo trình Tội phạm học, Nxb. ĐHQGHN, 2020.
- [14] N. N. Hòa, Tội phạm và cấu thành tội phạm, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2015.
- [15] N. Niên (chủ biên), Những vấn đề lý luận cơ bản về tội phạm trong luật hình sự Việt Nam, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1986.
- [16] T. M. Mạnh, Phân loại tội phạm trong luật hình sự Việt Nam, LATS luật học, Trường đại học Luật Hà Nội, 2003.
- [17] T. T. Việt, Tội phạm và TNHS, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2013.
- [18] Nguyễn Ngọc Hòa, Tội phạm và cấu thành tội phạm, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2006.
- [19] Đ. V. Doãn, Vấn đề đồng phạm, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1986.
- [20] Đ. V. Quế, Những trường hợp loại trừ TNHS trong luật hình sự Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1998.
- [21] T. T. Việt (chủ biên), TNHS và hình phạt, Nxb. ĐHQGHN, Hà Nội, 2022.
- [22] V. K. Vinh, Chương VIII - Khái niệm hình phạt và hệ thống hình phạt, trong sách: Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
- [23] Đ. T. Úc (chủ biên), Tội phạm học, luật hình sự và luật tố tụng hình sự Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1994.
- [24] T. V. Độ, Hiệu quả của hình phạt - Khái niệm, tiêu chí và điều kiện, trong sách: Hình phạt trong luật hình sự Việt Nam, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1995.

bao gồm cả khoa học viễn tưởng, khoa học pháp lý - xã hội, khoa học máy tính, khoa học thần kinh, tâm lý học... (TG).

- [25] T. V. Độ, H. M. Hùng (đồng chủ biên), Giáo trình Định tội danh và áp dụng hình phạt, Nxb. ĐHQGHN, 2019.
- [26] T. T. Quỳnh, Miễn, giảm hình phạt theo pháp luật hình sự Việt Nam, LATS luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2021.
- [27] Đ. T. Nga, T. Q. Vinh, Người chưa thành niên phạm tội: Đặc điểm tâm lý và chính sách xử lý, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2011.
- [28] T. Q. Toàn, TNHS của pháp nhân trong pháp luật hình sự, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2011.
- [29] V. C. Giao, N. M. Hương (đồng chủ biên), *Tiếp cận dựa trên quyền con người - Lý luận và thực tiễn*, Nxb. ĐHQGHN, 2016.
- [30] T. T. Việt, 55 cặp tội danh dễ nhầm lẫn trong BLHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021.
- [31] Nguyễn Thị Thuận (chủ biên), Luật hình sự quốc tế, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2007.
- [32] N. N. Chí (chủ biên), Những vấn đề lý luận thực tiễn về luật hình sự quốc tế, Nxb. Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2011.
- [33] L. T. Kiên (2018), Hệ thống hình phạt trong luật hình sự Việt Nam và Trung Quốc, Nxb. Tư pháp, Hà Nội.
- [34] H. S. Sơn, Luật hình sự so sánh, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.
- [35] Đ. V. Quế, Bình luận khoa học BLHS (Phần chung và Phần các tội phạm), trọn bộ, Nxb. Thông tin và Truyền Thông, Hà Nội, 2018.
- [36] N. V. Nam, Lý luận và thực tiễn về án lệ trong hệ thống pháp luật của các nước Anh, Mỹ, Pháp, Đức và những kiến nghị đối với Việt Nam, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 2012.
- [37] V. K. Vinh, Áp dụng pháp luật hình sự - Những vấn đề lý luận và thực tiễn, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2021.
- [38] N. N. Hòa (chủ nhiệm), Nghiên cứu tính thống nhất giữa BLHS trong quy định các tội phạm với các luật khác trong hệ thống pháp luật Việt Nam, Đề tài cấp Bộ Tư pháp, Hà Nội, 2016.
- [39] N. N. Hòa (chủ biên), Sửa đổi BLHS: Những nhận thức cần thay đổi, Nxb. Tư pháp, Hà Nội, 2015.
- [40] N. T. Thành, Phạm tội có tổ chức trong luật hình sự Việt Nam và việc đấu tranh phòng, chống, LATS luật học, Viện Nhà nước và pháp luật, Hà Nội, 2002.
- [41] V. K. Vinh, Xã hội học hình phạt: Những vấn đề lý luận và thực tiễn, LATS Luật học, Học viện Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2016.
- [42] H. L. A. Hart, Punishment and Responsibility - Essays in the Philosophy of Law, Second Edition, Print ISBN-13: 9780199534777, May 2008, Published to Oxford Scholarship Online: January 2009.
- [43] D. Brown, Cost-benefit analysis in Criminal law, California Law Review, Vol. 92, No. 2, 2004.
- [44] T. T. Việt (chủ biên), Pháp luật hình sự Việt Nam trước thách thức an ninh phi truyền thống, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2019.
- [45] Klaus Schwab, Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, Nxb. Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2018.
- [46] G. Hallevy, The Criminal Liability of Artificial Intelligence Entities - from Science Fiction to Legal Social Control, Akron Intellectual Property Journal, Vol.4: Iss.2, Article, 2010.
- [47] M. Claussén - Karlsson, Artificial Intelligence and the External Element of the Crime: An Analysis of the Liability Problem, JU101A, Final Thesis for the Law Program, Second Cycle, Spring 2017.
- [48] Maxim DOBRINOIU, The influence of Artificial Intelligence on Criminal liability, Lex ET Scientia International Journal, No.1, 2019.
- [49] D. Kirpichnikov, Albert Pavlyuk, Yulia Grebneva, Hilary Okagbue, Criminal Liability of the Artificial Intelligence, E3S Web of Conferences 159, 04025 BTSES-2020.
- [50] J. Barrat, Our Final Invention: Artificial Intelligence and the End of the Human Era, Publisher by Thomas Dunne Books; October 1, 2013.
- [51] T. T. Việt, Các mô hình TNHS đối với thực thể AI: Từ khoa học viễn tưởng đến viễn cảnh đặt ra trong chính sách, pháp luật hình sự Việt Nam, Tạp chí Khoa học, Luật học, ĐHQGHN, số 4/2019.
- [52] T. T. Viet Vietnamese Criminal Polices and Laws in the Industrial Revolution 4.0: Some New Awareness, Tạp chí Khoa học, Luật học, ĐHQGHN, số 4/2020.
- [53] T. T. Việt, Hình phạt đối với thực thể trí tuệ nhân tạo (AI): Từ khoa học viễn tưởng đến viễn cảnh tương lai của BLHS Việt Nam “năm nào đó”, Tạp chí Tòa án nhân dân, số 4/2021.
- [54] N. N. Phát (chủ biên), Tổng quan tình hình nghiên cứu về pháp luật ở Việt Nam trong hơn 30 năm qua, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội, 2021.
- [55] Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, Kỷ yếu Hội thảo Khoa học: “Quy định của Phần chung Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi năm 2017 và những vấn đề đặt ra”, Hòa Bình, 2021.